

KHÁI NIỆM BÌNH ĐẲNG HÔN NHÂN Ở ĐÀI LOAN DƯỚI GÓC NHÌN LỊCH SỬ PHÁP LUẬT

HOÀNG THẢO ANH*

Tóm tắt: Bài viết tập trung nghiên cứu sự hình thành và phát triển của khái niệm “bình đẳng hôn nhân” ở Đài Loan. Dưới góc nhìn lịch sử pháp luật, tiến trình phát triển các dạng thức của bình đẳng hôn nhân ở Đài Loan có thể chia thành ba giai đoạn: (1) bình đẳng hôn nhân liên sắc tộc trong thời kỳ thuộc địa; (2) bình đẳng hôn nhân về giới thời kỳ hậu thuộc địa và (3) bình đẳng hôn nhân liên giới tính (hôn nhân đồng tính) trong giai đoạn hiện nay. Qua việc nghiên cứu tiến trình này, tác giả mong muốn mang đến một cách tiếp cận so sánh và những gợi mở cho quá trình vận động chính sách pháp luật về bình đẳng hôn nhân ở Việt Nam nói chung và vận động bình quyền về hôn nhân cho nhóm người đồng tính, song tính, chuyển giới nói riêng.

Từ khóa: Bình đẳng hôn nhân, hôn nhân liên sắc tộc, hôn nhân đồng tính, lịch sử pháp luật, Đài Loan

Ngày 24 tháng 5 năm 2019 đánh dấu một bước ngoặt trong lịch sử lập pháp Đài Loan khi hòn đảo này chính thức trở thành vùng lãnh thổ châu Á đầu tiên hợp pháp hóa hôn nhân đồng tính¹ thông qua đạo luật cho phép hai người cùng giới tính được kết hôn với nhau². Đây chính là kết quả của quá trình nỗ lực không ngừng nghỉ của nhiều

thành phần trong xã hội Đài Loan, vận động cho chính sách “bình đẳng hôn nhân” mà cụ thể là bình đẳng về quyền hôn nhân cho cộng đồng LGBTQ³. Điều đáng chú ý là, bản thân khái niệm “bình đẳng hôn nhân” không hề mới mẻ đối với người dân đảo quốc mà nó đã từng xuất hiện ngay từ khi Đài Loan còn là thuộc địa của Nhật Bản những năm đầu thế kỷ XX. Những dấu ấn cấp tiến trong lịch sử lập pháp trên vùng lãnh thổ này đã tạo tiền đề, cảm hứng cho những cải cách pháp luật đương đại sau này theo hướng nhân văn và bình đẳng hơn cho các nhóm yếu thế. Việc nghiên cứu tiến trình hình thành và phát triển khái niệm bình đẳng hôn nhân ở Đài Loan sẽ góp phần mang lại một góc nhìn tham khảo và từ đó có thể gợi

* ThS., Trường Đại học Luật, Đại học Huế

¹ Lily Kuo, “Taiwan becomes first in Asia to legalise same-sex marriage”, *The Guardian*, <https://www.theguardian.com/world/2019/may/17/taiwan-becomes-first-asian-county-to-legalise-same-sex-marriage>.

² Đạo luật có tên chính thức là “Đạo luật về thực thi diễn giải số 748 của Tư pháp viện”, có hiệu lực kể từ ngày 24/05/2019 với nội dung công nhận quan hệ sống chung như vợ chồng của các cặp đôi đồng tính. Quan hệ này làm phát sinh các quyền nhân thân và quyền tài sản tương tự như hôn nhân dị tính được quy định trong Bộ luật Dân sự Đài Loan. Tuy nhiên, các cặp đồng tính vẫn gặp hạn chế về quyền nhận nuôi con nuôi và vẫn chưa có quy định nếu hôn nhân đồng tính có yếu tố nước ngoài. Xem thêm về đạo luật bản tiếng anh tại: <https://law.moj.gov.tw/ENG/LawClass/LawAll.aspx?pcode=B0000008>.

³ Nhóm người đồng tính, song tính, chuyển giới và người đang trong giai đoạn tìm hiểu bản thân (Lesbian, Gay, Bisexual, Transgender, and Queer – LGBTQ).

mở cho quá trình vận động bình đẳng hôn nhân cho nhóm LGBTQ ở Việt Nam hiện nay.

1. Bình đẳng hôn nhân liên sắc tộc: một dấu ấn lập pháp thời thuộc địa

Khái niệm bình đẳng hôn nhân đã xuất hiện và được thực hành từ rất sớm ở Đài Loan, từ khi hòn đảo này còn là thuộc địa của đế quốc Nhật⁴. “Bình đẳng hôn nhân” thời kỳ này là việc Nhật Bản cho *hợp pháp hóa hôn nhân liên sắc tộc* Hán – Nhật như một trong những chính sách chủ đạo của đế quốc lên vùng đất tân thuộc địa đầu tiên vừa chiếm được⁵. Đây không những là một chính sách pháp luật, mà còn là một chiến lược chính trị - ngoại giao, khi đế quốc mới là Nhật Bản qua đó muốn khẳng định danh tính quốc gia sau khi trỗi dậy từ cải cách duy tân Minh Trị⁶ và trở thành cường quốc những năm đầu thế kỷ XX.

1.1. Hôn nhân liên sắc tộc và chính sách đồng hóa người bản địa

Không giống các vùng lãnh thổ khác của Nhật Bản như Hokkaido, Ogasawara và Okinawa, đảo Đài Loan được sáp nhập sau khi Hiến pháp Minh Trị⁷ được ban hành vào

năm 1889. Trong bản hiến pháp này, không có sự phân định cụ thể về lãnh thổ quốc gia. Vì thế, câu hỏi về sự tồn tại của đảo Đài Loan với tư cách một xứ thuộc địa hải ngoại hay một phần của chính quốc Nhật Bản đã không được làm rõ. Sự phân biệt giữa người dân xứ thuộc địa và người dân “mẫu quốc” vì thế không quá rõ ràng như ở các xứ thuộc địa của phương Tây, mà xứ Đông Dương thuộc Pháp là điển hình trong khu vực.

Nguyên tắc cai trị Đài Loan của người Nhật vào đầu thế kỷ XX là *isshi dojin*, theo tiếng Nhật có nghĩa là “lòng nhân từ vô lượng của Thiên hoàng dành cho chúng dân”. Đây là nguyên tắc được sử dụng ở Nhật Bản từ đầu thời kỳ Minh Trị để đoàn kết nhân dân vốn trước đây bị chia rẽ bởi hệ thống đẳng cấp xã hội. Theo đó, người dân xứ bị chinh phục về cơ bản là những “người Nhật tiềm năng”⁸. Người dân Đài được xem là “người Nhật Bản” (Nihonjin), cũng như người Nhật ở Kyushu và người Nhật ở Kanto vậy⁹. Trong bối cảnh này, hôn nhân liên sắc tộc được xem như một cách để thúc đẩy quá trình đồng hóa người bản địa trên đảo Đài Loan.

Hôn nhân liên sắc tộc trở thành chiến lược chính trị chính thức của nhà cầm quyền Nhật từ năm 1919, khi Den Kenjiro được chỉ định làm thống đốc dân sự đầu tiên ở Đài Loan. Den đã tiến hành tuyên truyền chính sách “hôn nhân liên sắc tộc và đồng hóa giáo dục” (*kyokon – kyogaku*), hướng đến mục

vào ngày 11 tháng 2 năm 1889. Đây là hiến pháp đầu tiên của châu Á vào thời điểm được ban hành.

⁴ Tai Eka, *Tlđđ*.

⁵ Tai Eka, *Tlđđ*, p. 91.

⁴ Đảo Đài Loan chịu sự thống trị của đế quốc Nhật Bản sau hiệp ước Shimonoseki 1895, khi nhà Thanh thua trận đã phải cắt nhượng phần lãnh thổ này cho Nhật Bản.

⁵ Tai Eka, “The Discourse of Intermarriage in Colonial Taiwan”, *The Journal of Japanese Studies* 40, No. 1 (2014), p. 88.

⁶ Minh Trị duy tân, (明治維新 Meiji-ishin) là một chuỗi các sự kiện cải cách, cách tân dẫn đến các thay đổi to lớn trong cấu trúc xã hội và chính trị của Nhật Bản. Cuộc cách mạng Minh Trị diễn ra từ năm 1866 đến năm 1869, mở đường cho một đế quốc Nhật hùng mạnh những năm đầu thế kỷ XX.

⁷ Hiến pháp đế quốc, Hiến pháp Minh Trị hay Hiến pháp Đại Nhật Bản là bản hiến pháp đầu tiên trong lịch sử Nhật Bản, do Thiên hoàng Minh Trị chủ trì dự thảo và ban hành

tiêu sấp nhập hài hòa Đài Loan vào chính quốc (natai yuwa), và hôn nhân liên sắc tộc chính là con đường hữu hiệu nhất để đạt được mục tiêu trên¹⁰. Dù khi triển khai thực hiện, chính sách của Den Kenjiro đã không thể thành công như mong đợi vì những mâu thuẫn về chính sách hộ khẩu ở bản xứ và chính quốc, cũng như nhiều mâu thuẫn xã hội khác, tuy nhiên vẫn có các cuộc liên hôn diễn ra và hôn nhân liên sắc tộc đã trở thành một biểu tượng của sự hòa hợp, thống nhất Đài Loan với chính quốc Nhật Bản¹¹.

1.2. Chiến lược định danh một đế quốc Nhật “cấp tiến” và “khác biệt”

Bên cạnh một biểu tượng của hòa hợp dân tộc, hôn nhân liên sắc tộc còn là một biểu tượng của sự cấp tiến và khác biệt của đế quốc Nhật trên trường quốc tế. Trở thành thuộc địa đầu tiên của Nhật Bản vào năm 1895, Đài Loan đã trở thành nơi để tân đế quốc Á châu tạo dấu ấn cho mình. Các nhà lãnh đạo Nhật Bản, vì muốn chứng tỏ họ không phải là bản sao mù quáng của các đế quốc phương Tây, đã cố gắng tổng hợp và vận dụng các quan niệm mới, bao gồm chủ nghĩa quốc gia (nationalism), chủ nghĩa phản thực dân (anti-colonialism) và an ninh tập thể (collective security) theo cách riêng của họ¹². Việc hợp pháp hóa hôn nhân liên sắc tộc tại đảo Đài Loan đã cộng hưởng với chính sách vận động bình đẳng chủng tộc của Nhật Bản tại Hội quốc liên (tiền thân của

Liên Hợp Quốc). Lãnh đạo Nhật Bản tự xem mình là đại diện của nhóm người “không phải da trắng”, đã đưa ra mô hình xây dựng một đế quốc cấp tiến và không có sự phân biệt chủng tộc tại xứ thuộc địa như các nước phương Tây. Cần lưu ý rằng thời kỳ này, sự phân biệt chủng tộc thể hiện rõ qua chính sách quốc tịch và chính sách pháp luật hôn nhân và gia đình ở các vùng đất thuộc địa. Hôn nhân liên sắc tộc giúp làm nổi bật một nước Nhật không chỉ là một cường quốc Âu hóa kiểu mới, mà còn thể hiện lý tưởng về một “sự hội nhập hài hòa” (harmonious integration - naitai yūwa), chứng tỏ đường lối cai trị thực dân theo chủ nghĩa quân bình (egalitarianism) của đế quốc Nhật¹³.

Mặc dù hôn nhân liên sắc tộc chủ yếu để phục vụ lợi ích chính trị của chính đế quốc, nhưng chính sách này thực sự đã trở thành một bước đột phá tại thời điểm mà các nước phương Tây không ủng hộ hoặc thậm chí là cấm hôn nhân dị chủng¹⁴. Đáng chú ý là, mô hình liên hôn được cổ xúy trên truyền thông nhà nước là giữa một người phụ nữ Nhật Bản và một người đàn ông Đài Loan¹⁵. Điều này tiếp tục đi ngược với các tiêu chuẩn châu Âu bấy giờ, khi mà ý thức bảo vệ phụ

¹³ Genevieve Tan, *Tlđđ*.

¹⁴ Miscegenation – hôn nhân giữa hai người thuộc hai chủng tộc khác nhau, ví dụ người dân mẫu quốc – người dân xứ thuộc địa, và sau này là vấn đề người da đen – người da trắng.

¹⁵ Trong một lễ hội tôn giáo địa phương ở Tainan (Đài Nam), đoàn diễu hành của quân đội Nhật đã xây dựng hình ảnh của hai cặp đôi: một cặp đôi mà nữ người Nhật và nam người Đài trong tuần trăng mật trên ngọn núi cao nhất Đài Loan và một cặp đôi nam người Nhật, nữ người Đài nắm tay nhau trên ngọn núi Phú Sĩ biểu tượng của Nhật Bản (Theo báo Taiwan Shinpo, số tháng 3 năm 1989).

¹⁰ Tai Eka, *Tlđđ*, p. 104.

¹¹ Tai Eka, *Tlđđ*, p. 105.

¹² Genevieve Tan, “How Taiwan is using same-sex marriage to assert its national identity”, *Washington Post* (2019), <https://www.washingtonpost.com/outlook/2019/06/26/how-taiwan-is-using-same-sex-marriage-assert-its-national-identity/> (truy cập ngày 28/02/2020).

nữ da trắng khỏi đàn ông bản địa là minh chứng rõ rệt cho sự phân biệt chủng tộc.

2. Bình đẳng hôn nhân về giới: từ phong trào nữ quyền đến các cuộc vận động bình quyền cho cộng đồng LGBTQ

Khái niệm “bình đẳng hôn nhân” thời kỳ hậu thuộc địa ở Đài Loan là sự kế thừa các ý niệm cấp tiến, đồng thời là sự hội nhập với các giá trị dân chủ, nhân quyền đương đại, đặc biệt là ảnh hưởng sâu sắc của phong trào nữ quyền thế giới từ những năm 1960. Sau thời kỳ thiết quân luật, các phong trào vận động cho xã hội dân chủ, nhân quyền phát triển mạnh mẽ ở đảo Đài Loan từ những năm 1990, nổi bật trong số đó là phong trào nữ quyền với những yêu cầu cải cách hiến pháp về địa vị của nữ giới. “Bình đẳng hôn nhân” từ khái niệm *bình đẳng liên sắc tộc* đã chuyển mình thành *bình đẳng về giới* (giới nam và giới nữ). Với những lần cải cách pháp luật hôn nhân và gia đình, luật pháp dần trung lập hóa địa vị pháp lý của người vợ và người chồng theo hướng bình đẳng vai trò về quyền lợi, nghĩa vụ. Từ đây, mở đường cho khái niệm bình đẳng hôn nhân với ý nghĩa bình đẳng về quan hệ pháp luật hôn nhân dị tính và đồng tính theo cách hiểu hiện nay.

2.1. Ảnh hưởng của phong trào nữ quyền Đài Loan đối với khái niệm pháp lý về “bình đẳng hôn nhân”

Vào năm 1994, Tòa bảo hiến (hay còn gọi là Tư pháp viện) của Đài Loan đã ra phán quyết xét lại Hiến pháp liên quan đến nguyên tắc “bình đẳng giới” đầu tiên trong lịch sử, đặt nền móng cho “bình đẳng hôn nhân” trên cơ sở bình quyền nam - nữ. Phán quyết này được gọi là Diễn giải số 365 của

Tư pháp viện, với nội dung về tính hợp hiến của các quy định trong Bộ luật Dân sự Đài Loan về quyền nuôi con của cha mẹ. Cụ thể, Điều 1089 của Bộ luật Dân sự Đài Loan trao cho người cha quyền quyết định cuối cùng trong các tình huống mà người cha và người mẹ bất đồng ý kiến khi thực hiện các quyền của cha mẹ đối với con của họ. Tòa bảo hiến sau khi xem xét lại các nguyên tắc hiến định đã kết luận rằng: “Một phần của điều khoản này không phù hợp với Điều 7 của Hiến pháp về đảm bảo sự bình đẳng giữa nam và nữ, cũng như Điều 9 Khoản 5 các điều khoản bổ sung của Hiến pháp về loại bỏ sự phân biệt đối xử về giới”¹⁶. Tòa đã yêu cầu sửa đổi quy định của Bộ luật dân sự hoặc nó sẽ trở nên vô hiệu sau không quá hai năm kể từ thời điểm Diễn giải số 365 được ban bố¹⁷.

Với phán quyết nêu trên, Tòa bảo hiến Đài Loan đã hòa nhịp với cuộc vận động đòi quyền bình đẳng hiến định cho phụ nữ vào thời điểm đó, qua việc tuyên bố rằng đặc quyền của người cha so với người mẹ trong việc nuôi con, một quy tắc dân sự được thiết lập trước Hiến pháp 1947¹⁸ trên cơ sở giá trị gia đình nho giáo truyền thống, là một sự vi phạm nguyên tắc hiến định về bình đẳng giới¹⁹. Bên cạnh đó, từ năm 1995, các bản dự

¹⁶ Diễn giải số 365 của Tư pháp viện, ban hành năm 1994. Xem thêm tại: <http://cons.judicial.gov.tw/jcc/en-us/jep03/show?expno=365>.

¹⁷ Diễn giải số 365 của Tư pháp viện, *Tlđđ*.

¹⁸ Đài Loan được quản lý theo Hiến pháp Trung Hoa Dân quốc – là bản hiến pháp đã được dự thảo vào năm 1947 trước khi Trung Hoa Dân quốc thất bại trước Đảng Cộng sản Trung Quốc ở đại lục. Trên thực tế Đài Loan không áp dụng hiến pháp của CHND Trung Hoa và có hệ thống pháp luật riêng biệt với Đại lục).

¹⁹ Chen Chao-Ju, “Migrating Marriage Equality without Feminism: Obergefell v. Hodges and the Legalization of Same-Sex Marriage in Taiwan”, *Cornell International Law Journal*, Forthcoming (2019), p. 111.

thảo về sửa đổi, bổ sung pháp luật hôn nhân và gia đình được soạn thảo bởi các nhóm nữ quyền khác nhau mà trọng tâm là Quỹ Hội Phụ nữ Tân tri (婦女新知基金會) đã hướng tới cân bằng quan hệ hôn nhân thông qua việc bãi bỏ các điều khoản thể hiện rõ đặc quyền về giới đối với người cha, người chồng; cũng như tái định hình chế độ tài sản hôn nhân để giảm bớt những bất lợi về kinh tế trong hôn nhân và sau khi ly hôn cho phụ nữ, giúp tăng thêm lối thoát cho nữ giới khỏi các cuộc hôn nhân áp bức²⁰.

Phong trào cải cách pháp luật hôn nhân và gia đình theo hướng bình quyền cho nữ giới từ thập niên 1990 đã mở đường cho phong trào vận động hôn nhân đồng tính sau này ở Đài Loan. Bằng cách khiến luật trở nên trung lập về giới tính, quan hệ bạn đời của cặp đôi đồng tính dễ dàng được đưa vào khái niệm hôn nhân hơn và chế định hôn nhân từ đây sẽ được phát triển theo hướng bình đẳng hơn²¹.

2.2. Hợp pháp hóa hôn nhân đồng tính: định nghĩa mới về bình đẳng hôn nhân trong giai đoạn hiện nay

Khái niệm “bình đẳng hôn nhân” ở Đài Loan hiện nay được đặt trong bối cảnh vận động bình quyền cho nhóm người LGBTQ và vì thế được hiểu tương đương với khái niệm “hợp pháp hóa hôn nhân đồng tính”. Việc đồng nhất ý nghĩa của thuật ngữ này chỉ mới được áp dụng từ năm 2012 khi cuộc diễu hành thường niên của người đồng tính

(gay pride) được tổ chức tại Đài Bắc²². Cuộc diễu hành có quy mô lớn nhất châu Á này đã sử dụng “bình đẳng hôn nhân” làm một trong những khẩu hiệu kỷ niệm 10 năm hoạt động, nhằm hướng đến một “cuộc cách mạng hôn nhân”²³. Trong cùng năm đó, nghị viên Yu Mei-nu, một lãnh đạo nổi bật của phong trào nữ quyền Đài Loan, đồng thời cũng là một luật sư nữ quyền, đã đề xuất lên Lập pháp viện²⁴ dự thảo luật về bình đẳng hôn nhân theo hướng hợp pháp hóa hôn nhân đồng tính, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Bộ luật Dân sự Đài Loan²⁵.

Đến năm 2013, Liên minh thúc đẩy các quyền đối tác dân sự Đài Loan (Taiwan Alliance to Promote Civil Partnership Rights- TAPCPR)²⁶ đã trình dự thảo về “đa dạng hóa sự hình thành nên gia đình” bao gồm ba dự luật, trong đó có dự luật về bình đẳng hôn nhân²⁷. Dự thảo luật về bình đẳng hôn nhân của TAPCPR còn được biết đến với cái tên “Dự luật Bình đẳng hôn nhân” cũng là một đề xuất về tu chính Bộ luật Dân sự như dự luật của bà Yu Mei-nu. Theo đó, dự

²⁰ Chang, Doris T., *Women's movements in twentieth-century Taiwan*, Urbana: University of Illinois Press (2009).

²¹ Chen Chao-ju, *Ildd*.

²² Aldrovandi, Martin, “Taiwan's gays hope for a 'Marriage Revolution'”, *Deutsche Welle* (October 29, 2012), <https://www.dw.com/en/taiwans-gays-hope-for-a-marriage-revolution/a-16340759>.

²³ Aldrovandi, Martin, *Ildd*.

²⁴ Cơ quan lập pháp của Đài Loan.

²⁵ Hiện nay, Đài Loan tự nhận là nước Cộng hòa Trung Hoa với một hệ thống chính trị và hệ thống pháp luật riêng biệt với Trung Hoa Đại lục (Cộng hòa nhân dân Trung Hoa).

²⁶ TAPCPR (台灣伴侶權益推動聯盟伴侶盟): một tổ chức phi chính phủ của Đài Loan, chủ trương vận động mở rộng các quyền dân sự cho các cặp đôi đồng tính, gồm hôn nhân đồng tính, quan hệ đối tác dân sự, quyền nhận con nuôi và các quyền khác.

²⁷ Hai dự luật còn lại lần lượt liên quan đến “hệ thống công nhận đối tác dân sự” (civil partnership system) và “gia đình đa thành phần” (multi-person system). Xem thêm tại <https://tapcpr.org/english/about-us>.

luật cho phép hai người bất kỳ được kết hôn, không phân biệt giới tính, xu hướng tính dục hay bản dạng giới. Ngoài ra, dự luật còn quy định điều khoản chống phân biệt đối xử trên cơ sở giới tính, xu hướng tính dục, bản dạng giới hay thể hiện giới đối với việc nhận con nuôi²⁸.

Sự giới hạn định nghĩa về bình đẳng hôn nhân trong lối sử dụng phổ biến hiện hành đã gợi mở cho một định nghĩa khác cũng hẹp không kém về sự bất bình đẳng hôn nhân, khi nó được hiểu trong bối cảnh loại trừ hôn nhân đồng tính khỏi chế định về hôn nhân. Hệ quả của sự thu hẹp này chính là việc các dạng thức khác của hôn nhân bình đẳng đã bị loại trừ, ví dụ như sự phụ thuộc của người vợ, người mẹ và những người khác trong quan hệ hôn nhân không còn là trọng tâm khi bàn tới “bất bình đẳng hôn nhân” nữa. Thay vào đó, “bất bình đẳng hôn nhân” được hiểu là khi người đồng tính không được quyền xác lập quan hệ hôn nhân với nhau như người dị tính đã và đang được thực hiện.

Với việc giới hạn tầng nghĩa của “bình đẳng hôn nhân”, lịch sử cải cách pháp luật hôn nhân và gia đình Đài Loan đã chuyển sang một hướng mới phi truyền thống. Trong đó, “hôn nhân” từ một chế định chủ yếu xoay quanh sự phụ thuộc của người phụ nữ thông qua các điều khoản về vị trí pháp lý của họ (mẹ, vợ, con gái), đã chuyển đổi sang một chế định trung lập về giới tính. Sự chuyển đổi này đã được thúc đẩy từ giữa thập niên 1990 qua phong trào nữ quyền cải cách pháp luật tác động lên Lập pháp viện và

Tư pháp viện (Tòa bảo hiến)²⁹. Khi vai trò vợ - chồng trong hôn nhân không còn là vấn đề tranh cãi chủ yếu, điều này không những thúc đẩy địa vị pháp lý của phụ nữ trong quan hệ hôn nhân dị tính truyền thống, mà còn thúc đẩy công nhận hôn nhân đồng tính, bởi lẽ quan hệ hôn nhân đồng tính không có sự phân biệt vai trò vợ - chồng truyền thống. Cụ thể, nếu quan điểm về vai trò, địa vị của các bên trong cuộc hôn nhân là bình đẳng với nhau thì khái niệm vợ - chồng (trong hôn nhân dị tính) không còn là bắt buộc trong quan hệ hôn nhân nói chung nữa. Và điều này mở đường cho một khái niệm về hôn nhân rộng mở có thể áp dụng cho tất cả các giới tính còn lại (LGBTQ).

3. Kết luận và gợi mở cho trường hợp của Việt Nam

Bản thân khái niệm *bình đẳng hôn nhân* luôn là vấn đề nổi cộm dù ở bất kỳ giai đoạn nào của tiến trình lịch sử. Theo sự phát triển không ngừng của xã hội, toàn cầu hóa và các thể chế hướng tới các quyền con người cơ bản, khái niệm bình đẳng hôn nhân dần chuyển mình sang các dạng thức khác nhau phù hợp với nhu cầu của các nhóm cộng đồng cần đến nó. Riêng trường hợp của Đài Loan, có một sự trùng hợp thú vị mà chính sách bình đẳng hôn nhân (liên sắc tộc) thời thuộc địa và chính sách bình đẳng hôn nhân (liên giới tính cho nhóm LGBTQ) hiện hành gặp nhau, đó chính là mục tiêu, chiến lược *định danh quốc gia*. Nếu ở những năm đầu của thế kỷ trước, người Nhật quyết định ban bố chính sách bình đẳng hôn nhân để khẳng định một đế quốc Nhật *khác biệt và cấp tiến*

²⁸ *Introduction of Taiwan Alliance to Promote Civil Partnership Rights*, TAPCPR, <https://tapcpr.org/english/about-us>.

²⁹ Chen Chao-ju, *Tlđđ*, p. 110.

so với phương Tây, thì từ những năm 2016 trở đi, Đảng Dân tiến cầm quyền ở Đài Loan đã đẩy mạnh việc đưa bình đẳng hôn nhân (liên giới tính) vào lộ trình cải cách pháp luật cũng như truyền thông quốc tế, để khẳng định một Đài Loan tiên tiến và khác biệt so với Trung Hoa Đại lục³⁰. Chính động lực chính trị - đối ngoại kể trên đã góp một phần không nhỏ thúc đẩy tiến trình cải cách pháp luật dân sự về hôn nhân và gia đình ở Đài Loan, từ đó cho ra đời đạo luật công nhận hôn nhân đồng tính vào năm 2019 (dù chưa thể hoàn toàn bình đẳng so với hôn nhân dị tính).

Việt Nam dù có lịch sử lập pháp không giống Đài Loan nhưng vẫn có điểm chung nhất định trong tiến trình thúc đẩy bình đẳng hôn nhân trên cơ sở những tương đồng về văn hóa, xã hội. Luật Hôn nhân và gia đình 2014 sau những lần sửa đổi đã cơ bản đạt được sự bình đẳng về giới liên quan đến vai trò, địa vị pháp lý của vợ và chồng, cũng như bình đẳng hóa các quyền nhân thân và tài sản khác phát sinh từ quan hệ hôn nhân.

Quan sát tiến trình cải cách pháp luật hôn nhân và gia đình, cũng như các chính sách hướng tới bình đẳng hôn nhân của Đài Loan, Việt Nam có thể tự rút ra cho mình những bài học nhất định. Trong xu thế toàn cầu hóa công nhận hôn nhân đồng tính hiện nay và trong tương lai gần, Việt Nam có thể vận dụng chính sách pháp luật bình đẳng hôn nhân để thúc đẩy chiến lược định danh quốc gia, khẳng định bản sắc dân tộc trên trường quốc tế như Đài Loan đã và đang thực hiện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Aldrovandi, Martin, "Taiwan's gays hope for a 'Marriage Revolution'", *Deutsche Welle* (October 29, 2012), <https://www.dw.com/en/taiwans-gays-hope-for-a-marriage-revolution/a-16340759>.
2. Chen Chao-Ju, "Migrating Marriage Equality without Feminism: Obergefell v. Hodges and the Legalization of Same-Sex Marriage in Taiwan", *Cornell International Law Journal*, Forthcoming (2019).
3. Chang, Doris T., *Women's movements in twentieth-century Taiwan*, Urbana: University of Illinois Press (2009).
4. Elaine Jeffreys and Pan Wang, "Pathways to Legalizing Same-Sex Marriage in China and Taiwan: Globalization and 'Chinese Values'", in B. Winter, M. Forest and R. Sénac (eds), *Global Perspectives on Same-Sex Marriage: A Neo-Institutional Approach*, Cham: Palgrave Macmillan, (2018), p. 197-220.
5. Genevieve Tan, "How Taiwan is using same-sex marriage to assert its national identity", *Washington Post* (2019), <https://www.washingtonpost.com/outlook/2019/06/26/how-taiwan-is-using-same-sex-marriage-assert-its-national-identity/>.
6. Tai Eika, "The Discourse of Intermarriage in Colonial Taiwan", *The Journal of Japanese Studies* 40, No. 1 (2014), p. 87-116.
7. Diễn giải số 365 của Tư pháp viện Đài Loan, ban hành năm 1994, <http://cons.Judicial.gov.tw/jcc/en-us/jep03/show?expno=365>.

³⁰ Genevieve Tan, *Tlđđ*.